TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 52, 25/12 – 29/12/2023

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

"Nhóm vốn hóa lớn phục hồi, thúc đẩy đà tăng cho VNINDEX"

Tiêu điểm nổi bật:

- Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý IV/2023 ước tính tăng 6.72% so với cùng kỳ năm trước. GDP năm 2023 ước tính tăng 5.05% so với năm trước. Trong đó, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3.74%, đóng góp 28.87%; khu vực dịch vụ tăng 6.82%, đóng góp 62.29%. Tính chung cả năm 2023, CPI tăng 3.25% so với năm trước, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra.
- Tín dụng toàn nền kinh tế đến 21/12/2023 tăng 11.09% so với cuối năm 2022.
- Chỉ số giá tiêu dùng cá nhân (PCE) của Mỹ, trong tháng 11/2023 giảm 0.1% so với tháng trước đó, lần giảm lần đầu tiên kể từ tháng 4/2020, sau khi không thay đổi trong tháng 10. So với cùng kỳ năm ngoái, PCE lõi tăng 3.2% trong tháng 11, mức tăng thấp nhất kể từ tháng 4/2021, sau khi tăng 3.4% trong tháng 10.

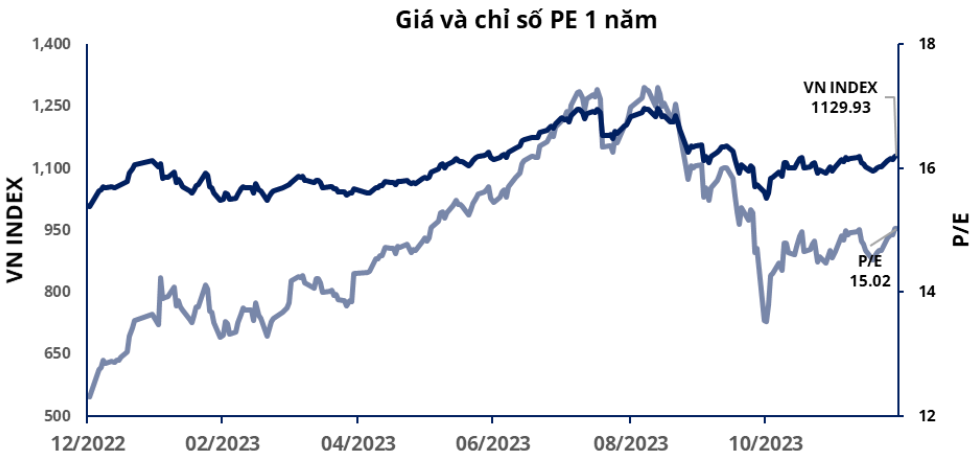
Đánh giá: Trong tuần này, tâm lý thị trường đã tốt hơn nhờ những thông tin vĩ mô về lạm phát Mỹ, tăng trưởng tín dụng và GDP của Việt Nam. Nhóm ngân hàng và bất động sản – nhóm chiếm vốn hóa lớn nhất đã có nhịp tăng tốt giúp VNINDEX đóng cửa tăng 2.44% trên đồ thị tuần. Ngoài ra, 3 phiên cuối tuần đã chứng kiến việc khối ngoại đã quay lại mua ròng nhẹ cũng đã góp phần giúp cải thiện điểm số cho thị trường.

Góc nhìn kĩ thuật: Trên đồ thị tuần, VNINDEX đóng cửa tại 1129.9 điểm (+2.44%) với thanh khoản gia tăng so với tuần trước, thể hiện tâm lý thị trường đã cải thiện. Tuy nhiên, thị trường vẫn chưa thể hiện sự dứt khoát trong việc vượt khỏi vùng 1130 để thay đổi cấu trúc giao dịch đi ngang trong suốt hơn 1 tháng qua.

Ý tưởng đầu tư: Chiến lược giao dịch phù hợp sẽ là giao dịch trong biên độ 1080-1130. Nhà đầu tư có thể bán chốt lời một phần và mua lại sau nếu VNINDEX vượt thoát hẳn vùng 1130. Những mã cổ phiếu nhóm chứng khoán, ngân hàng, bất động sản sẽ được hưởng lợi và được dòng tiền chú ý trong giai đoạn này.

Dữ liệu thị trường tuần		% Thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1W	1M	3M	YTD	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ USD)
VN-Index	1,130	2.4	2.5	-2.1	12.2		15.0	1.6	188
Upcom Index	87	1.0	2.4	-2.0	21.5		12.6	1.3	44
HNX Index	231	1.2	1.8	-2.2	12.5		24.4	1.2	12
VN30 Index	1,131	3.1	3.5	-3.0	12.6		11.7	1.6	132
S&P 500 Index	4,783	0.6	5.1	11.6	24.6		23.0	4.5	41,857
STOXX Europe 600 Index	479	0.3	4.3	6.4	12.7		13.7	1.8	14,165
Hang Seng	17,047	4.3	0.3	-4.3	-13.8		9.5	1.0	2,540
Nikkei 225	33,464	0.9	0.4	5.0	28.2		27.6	1.9	4,261
SHCOMP Index	2,975	2.1	-1.5	-4.4	-3.7		13.6	1.3	6,283
STI Index	3,238	3.1	5.0	0.6	-0.4		11.5	1.1	375
KOSPI Index	2,655	2.1	5.4	7.7	18.7		18.5	0.9	1,596

Nguồn: Bloomberg



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Hoàng Nam
☎ (84-28) 6299 4232
✉ nam.h@shinhan.com

Theo dõi Zalo của SSV,
Cập nhật báo cáo mới nhất
Bấm vào hình hoặc quét QR

WEEKLY SNAPSHOT
Theo vốn hóa và ngành

Theo giá trị vốn hóa

Giá trị vốn hóa	% Thay đổi GTGD						% Tỷ trọng GTGD		Định giá		
	1W	1M	YTD	1W	1M	3M	Current	Change	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Large Cap	2.6	2.4	12.3	11.1	-12.8	-13.7	75.6	-2.0	13.0	1.7	3,955,712
Mid Cap	3.6	3.7	29.4	26.0	-3.1	-6.2	23.1	2.2	26.9	1.2	526,845
Small Cap	-3.1	-13.3	12.2	2.9	-19.2	-23.3	1.4	-0.1	696.7	0.6	71,905

Theo ngành

Tên ngành	% Thay đổi GTGD						% Tỷ trọng GTGD		Định giá		
	1W	1M	YTD	1W	1M	3M	Current	Change	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Du lịch và Giải trí	4.8	3.8	-5.0	61.3	55.0	46.1	1.3	0.4	n.a	13.1	96,530
Thực phẩm và đồ uống	4.7	1.4	-12.1	6.6	-0.7	23.4	10.6	-0.7	27.0	2.3	426,533
Hóa chất	4.0	3.9	36.6	27.4	-5.8	-34.4	3.4	0.4	17.1	1.5	176,449
Truyền thông	3.7	13.4	142.9	50.5	21.1	67.8	0.1	0.0	47.7	1.1	2,140
Dược và Y tế	3.2	2.6	13.7	-17.6	-3.9	8.5	0.2	-0.1	13.5	1.9	34,639
Bất động sản	3.2	3.4	0.0	15.9	-20.1	-21.5	20.5	0.3	13.7	1.2	750,132
Tài nguyên cơ bản	3.1	3.5	51.2	24.5	-9.6	2.4	9.8	0.8	n.a	1.5	211,781
Tài chính	2.5	4.8	93.6	10.8	-21.3	-24.0	16.4	-0.5	27.6	1.6	181,316
Ngân hàng	2.2	2.0	20.5	-0.7	-7.6	-8.2	15.4	-2.3	9.1	1.5	1,719,877
Công nghệ Thông tin	2.0	5.0	42.4	29.3	-3.0	-9.8	1.7	0.2	21.4	3.4	137,266
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	2.0	2.0	25.9	47.9	8.4	1.1	6.8	1.5	12.8	1.3	130,316
Dầu khí	2.0	-2.9	18.7	22.0	-39.0	-49.3	0.7	0.0	18.0	2.1	59,567
Bán lẻ	1.8	8.6	11.8	-9.8	-16.9	-27.3	3.2	-0.8	76.1	2.8	93,058
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.7	3.4	2.9	18.0	32.9	48.8	1.4	0.0	14.3	1.7	53,334
Xây dựng và vật liệu	1.5	-3.4	45.5	35.2	-2.4	-16.8	6.4	1.0	6.9	1.1	126,974
Bảo hiểm	1.4	-0.2	-10.4	-1.1	-19.3	-24.0	0.1	0.0	13.9	1.3	40,749
Tiện ích	0.7	-0.9	-1.5	13.3	7.5	1.6	1.3	0.0	13.7	1.9	297,293
Ô tô & Phụ tùng	0.6	6.9	9.2	-26.0	-4.3	60.3	0.5	-0.3	18.3	1.1	14,614

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg

WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	**3,483**	**5.2**	**-90.4**	**-46.6**	**-14.9**
Nước ngoài	**2,462**	**5.3**	**-67.2**	**14.5**	**113.1**
VanEck Vectors Vietnam ETF	528	0.0	-5.4	-18.5	71.3
Fubon FTSE Vietnam ETF	844	6.3	17.7	81.2	67.2
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	507	0.0	-105.6	-88.5	-97.1
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	354	-1.1	-0.2	7.8	66.6
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	200	0.0	26.3	32.9	6.4
Premia MSCI Vietnam ETF	15	0.0	0.0	-0.3	-0.9
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	4	0.0	0.0	0.0	-0.4
Asian Growth CUBS ETF	10	0.0	0.0	0.0	0.0
Trong nước	**1,021**	**-0.1**	**-23.2**	**-61.1**	**-128.0**
DCVFMVN Diamond ETF	581	0.0	0.0	0.0	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	307	0.0	-0.1	4.2	-43.0
SSIAM VNFIN LEAD ETF	92	0.0	-23.1	-66.4	-85.7
MAFN VN30 ETF	26	-0.1	-0.1	-0.1	-1.1
SSIAM VNX50 ETF	6	0.0	0.0	0.3	-0.1
VinaCapital VN100 ETF	4	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	5	0.0	0.0	0.9	1.9

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	6,252	-41,410	6,779
Ấn độ	449	6,090	5,735	20,493
Indonesia	130	440	-100	-410
Nhật Bản*	-843	-8,192	23,705	29,092
Maylaysia	48	68	-60	-502
Philippines	2	14	-138	-867
Hàn Quốc	1,643	3,637	3,802	10,705
Sri Lanka	0	-2	2	12
Đài Loan	2,441	4,977	8,381	6,549
Thái Lan	93	-2	-981	-5,507
Việt Nam	6	-373	-553	-819

*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

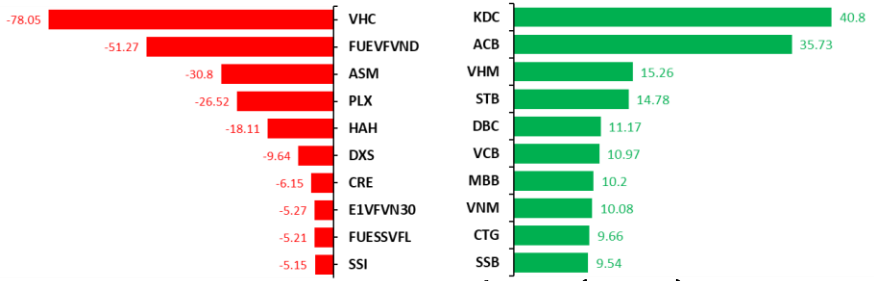
Chú thích:

-WTD: từ đầu tuần
-MTD: từ đầu tháng
-QTD: từ đầu quý
-YTD: từ đầu năm

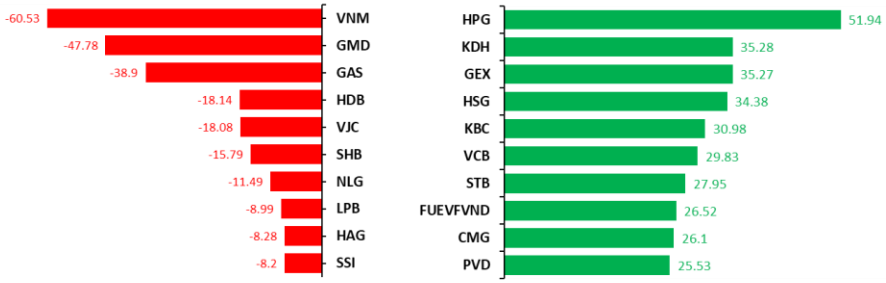
WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh (tỷ VND)	Nước ngoài (tỷ VND)	Cá nhân trong nước (tỷ VND)	Tổ chức trong nước (tỷ VND)
Bất động sản	27	38	-113	75
Tài nguyên Cơ bản	4	70	-212	142
Truyền thông	0	4	-4	0
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-12	-34	66	-32
Y tế	1	3	-2	-1
Hóa chất	3	19	-14	-5
Dịch vụ tài chính	-65	148	-62	-86
Du lịch và Giải trí	1	-1	4	-3
Ngân hàng	110	5	-248	243
Xây dựng và Vật liệu	2	29	-34	5
Thực phẩm và đồ uống	-41	101	-71	-30
Bán lẻ	5	40	-44	4
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	2	-12	-33	45
Hàng cá nhân & Gia dụng	2	0	-6	6
Công nghệ Thông tin	8	8	25	-32
Ô tô và phụ tùng	0	1	24	-25
Bảo hiểm	1	2	-4	1
Dầu khí	-27	24	1	-25
Tổng	24	444	-726	282

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận

Shinhan Securities

WEEKLY SNAPSHOT
Top cổ phiếu đáng chú ý

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	DXV	Xây dựng và Vật liệu	3.49 - 4.88	3.8	-17.42%
2	LGC	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	45.85 - 61.00	51.2	-10.18%
3	HTG	Hàng cá nhân & Gia dụng	29.60 - 35.00	31.1	-9.34%
4	HSL	Thực phẩm và đồ uống	4.24 - 12.10	10.1	-8.18%
5	PMG	Sản xuất nông nghiệp	7.50 - 12.55	8.3	-7.78%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
30.90%	38.6	26.60 - 38.55	Bán lẻ	COM
27.37%	40.6	27.01 - 40.90	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	TDM
26.67%	10.4	6.36 - 14.70	Xây dựng và Vật liệu	DC4
24.35%	14.3	8.56 - 16.20	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	VTB
21.02%	10.4	12.90 - 21.45	Xây dựng và Vật liệu	NAV

* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	HGM	Tài nguyên Cơ bản	36.00 - 52.00	36.0	-23.40%
2	BST	Truyền thông	10.90 - 22.40	16.9	-17.16%
3	VTJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	2.60 - 4.50	3.5	-14.63%
4	DS3	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	4.50 - 6.40	4.8	-14.29%
5	VNT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	33.60 - 77.90	33.6	-14.07%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
46.43%	8.2	2.80 - 8.20	Xây dựng và Vật liệu	MCO
40.12%	24.1	11.70 - 42.50	Truyền thông	HTP
34.78%	15.5	10.60 - 22.00	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	TJC
30.00%	5.2	3.30 - 7.70	Thực phẩm và đồ uống	HKT
21.55%	22.0	17.00 - 26.70	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	VBC

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	SVG	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	2.90 - 6.60	4.0	-33.33%
2	CCP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	9.50 - 35.30	17.9	-25.42%
3	ACS	Xây dựng và Vật liệu	4.70 - 15.50	5.0	-21.88%
4	SPB	Hàng cá nhân & Gia dụng	12.00 - 31.15	16.6	-20.57%
5	LUT	Xây dựng và Vật liệu	5.60 - 8.90	6.3	-20.25%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
60.49%	26.0	12.60 - 36.00	Thực phẩm và đồ uống	HAF
58.42%	48.0	21.00 - 65.50	Tài nguyên Cơ bản	KTL
50.50%	15.2	8.80 - 18.90	Thực phẩm và đồ uống	SPV
47.06%	10.0	6.10 - 15.50	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	DMS
42.86%	15.0	6.20 - 20.00	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	SCY

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá cổ phiếu		
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W	Giá (nghìn VND)	Biến động 52 tuần	%1W
1	TNC	Cao su Thống Nhất	Hóa chất	4,727.3	39,293.8	64.3	48.60 - 70.00	-2.0
2	DTL	Đại Thiên Lộc	Tài nguyên Cơ bản	157.1	1,748.5	16.8	13.30 - 36.50	7.4
3	SIP	Đầu tư Sài Gòn VRG	Bất động sản	8,960.6	434.8	63.6	49.85 - 71.90	9.8
4	HVN	Vietnam Airlines	Du lịch và Giải trí	11,578.3	299.8	12.3	10.00 - 15.20	11.4
5	ITC	Đầu tư kinh doanh Nhà	Bất động sản	4,848.6	280.7	10.8	6.92 - 15.00	5.9
6	PTB	Công ty Cổ phần Phú Tài	Tài nguyên Cơ bản	8,947.6	212.4	59.0	38.00 - 63.00	0.9
7	TMP	Thủy điện Thác Mơ	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	458.8	203.8	68.1	49.50 - 68.80	9.3
8	DPR	Cao su Đồng Phú	Hóa chất	11,503.0	176.7	31.6	23.93 - 36.55	7.1
9	BFC	Phân bón Bình Điền	Hóa chất	7,684.9	161.6	24.7	15.95 - 25.65	1.4
10	TLG	Tập đoàn Thiên Long	Hàng cá nhân & Gia dụng	2,319.8	161.4	51.0	47.60 - 62.10	3.2

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

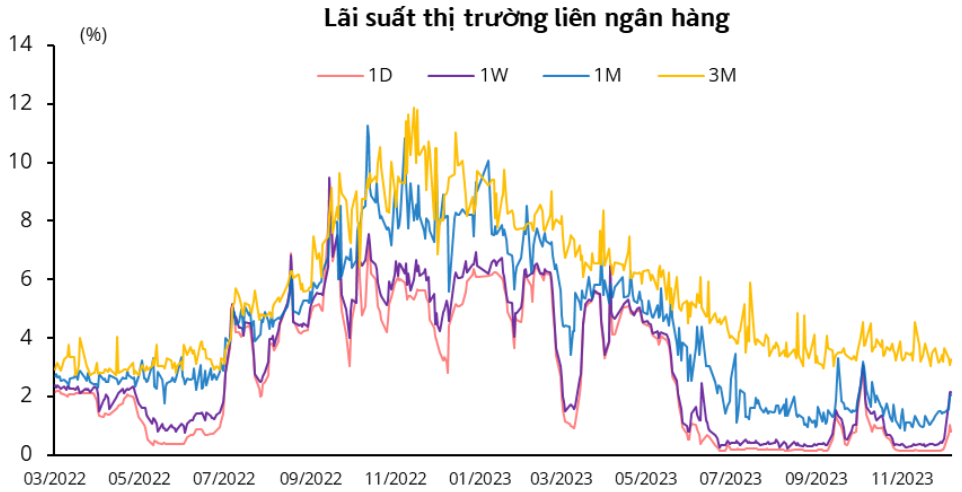
Tỷ giá

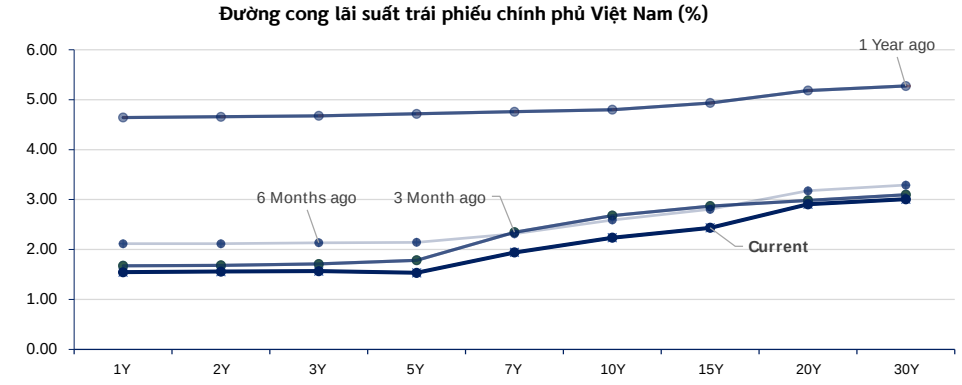
	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Trend
Dollar index	101.25	-0.59	-1.48	-4.64	-2.20	
VND/USD	24,265	0.06	-0.02	-0.16	2.67	
KRW/USD	1,288.10	-1.31	-0.44	-4.54	1.79	
JPY/USD	141.59	-0.58	-3.84	-5.21	7.99	
EUR/USD	0.90	-0.37	-0.77	-4.36	-3.16	
SGD/USD	1.32	-0.29	-0.98	-3.39	-1.46	
CNY/USD	7.11	-0.37	-0.24	-2.59	3.05	

Hàng hóa

	Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Trend
Dầu thô	72.18	-2.31	-7.30	-20.50	-10.07	
Xăng	210.75	-2.36	-7.71	-13.62	-14.31	
Gas	2.53	-1.59	-9.74	-13.59	-43.44	
Than	145.45	0.83	14.12	-8.95	-64.01	
Vàng	2,068.61	0.76	1.19	11.90	13.41	
Bạc	23.74	-1.87	-5.13	7.02	-0.91	
Platinum	1,005.86	3.00	7.61	10.79	-6.37	
Quặng sắt	136.16	0.97	4.42	12.68	22.36	
Thép cán	4,078.00	-0.05	1.87	4.97	-1.66	
Lúa mì	629.75	2.82	13.26	16.30	-20.49	
Ngô	473.25	0.16	5.23	-0.73	-30.25	

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam





TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	1.55	1.56	1.57	1.53	1.94	2.24	2.44	2.87	2.80
Thay đổi (BPS)*	-0.30	-0.20	-0.20	0.00	4.50	2.40	2.50	0.50	0.00

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Mạng lưới Shinhan Investment

SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
22nd Floor, Centec Tower, 72-74 Nguyen Thi Minh Khai Street,
District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000

Thông báo Tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.